TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **100/**2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2021
Về việc tranh chấp HNGĐ giữa
chị Hoàng Thị N và anh Phạm Văn H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Luân

2. Bà Phan Thị Bích

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2021/TLST - HNGĐ, ngày 15/01/2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/5/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 24/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 8 M, xã M, huyện H, tỉnh T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 8 M, xã M, huyện H, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai, chị Hoàng Thị N trình bày:

Chị và anh Phạm Văn H kết hôn năm 2020, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không bị cưỡng ép, lừa dối kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 23/3/2020 tại UBND xã M, huyện H, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn sinh sống tại thôn Thôn 8 M, xã M, huyện H, tỉnh T. Cuộc sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, không hòa hợp về tính cách nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Sau vài tháng chung sống, do mâu thuẫn quá căng thẳng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Lào Cai và sống ly thân với anh H từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, cuộc sống chung không thể kéo dài, không thể cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không đề nghị Toà án giải quyết.

Qúa trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Phạm Văn H đến để giải quyết vụ án nhưng anh H đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương, hiện nay anh H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 8 M, xã M, huyện H, tỉnh T. Theo lời khai của ông Phạm Văn M (bố đẻ anh H), anh H và chị N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không tin tưởng nhau, sau khi kết hôn được khoảng 3 - 4 tháng thì anh chị đã sống ly thân, chị N bỏ về quê ở tỉnh Lào Cai còn anh H sinh sống tại thôn Thôn 8 M, xã M, huyện H, tỉnh T. Anh H là lao động tự do nên có lúc cũng không có mặt tại gia đình. Gia đình ông có nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhiều lần và thông báo cho anh H biết nhưng anh H không đến Tòa án làm việc được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh H và chị N không có con chung, anh H có một con riêng tên là Phạm Anh Quân, sinh ngày 05/7/2013, đây là con riêng của anh H và vợ cũ, hiện cháu đang ở với vợ chồng ông bà tại thôn 8 M, xã M, huyện H, tỉnh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn chưa chấp H đúng nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn H; chị Hoàng Thị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo cung cấp của Công an xã M, huyện H, tỉnh T thì anh Phạm Văn H có hộ khẩu thường trú và vẫn sinh sống, làm việc tại thôn 8 M, xã M, huyện H, tỉnh T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, anh H và gia đình anh H đã biết nhưng anh H không đến Tòa án để làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Phạm Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do cả hai không cùng chung sống, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị N là xử cho chị N được ly hôn với anh Phạm Văn H.

[2] Về con chung: Chị Hoàng Thị N và anh Phạm Văn H không có con chung, cháu Phạm Anh Q, sinh ngày 25/7/2013 là con riêng của anh H và vợ cũ, hiện cháu đang ở với anh H và vợ chồng ông Phạm Văn M, đương sự không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Hoàng Thị N không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07 do Uỷ ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh T cấp ngày 23/3/2020 cho chị Hoàng Thị N và anh Phạm Văn H không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002389 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi H án dân sự huyện Hàm Yên, ghi nhận chị N đã thi H xong khoản tiền án phí. Anh Phạm Văn H không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- T.H.A dân sự huyện Hàm Yên;
- UBND xã Minh Hương;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ma Thị Tuyết Mai